

Số: 105/2023/VSC

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Container Việt Nam (mã chứng khoán: VSC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên Báo cáo tài chính riêng sau kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch tăng	Tỷ lệ tăng (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	252,150,561,070	217,682,371,403	34,468,189,667	15,83 %

Nguyên nhân chủ yếu:

Trong 6 tháng đầu năm 2023, doanh thu hoạt động tài chính tăng nhiều do Công ty ghi nhận các khoản cổ tức và lợi nhuận sau thuế năm 2022 từ các công ty con và công ty liên kết. Bên cạnh đó, chi phí tài chính cũng tăng do ghi nhận khoản chi phí lãi vay và khoản lỗ từ Công ty liên kết.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên, làm cho lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 tăng 34,468,189,667 đồng, tương ứng với tăng 15,83 % so với cùng kỳ năm 2022.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Cáp Trọng Cường
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (Mẫu số B 01a – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ (Mẫu số B 02a – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (Mẫu số B 03a – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu số B 09a – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0200453688 đề ngày 1 tháng 4 năm 2002

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200453688 và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ hai mươi bốn) được cấp ngày 13 tháng 3 năm 2023.

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Minh Hưng	Chủ tịch (từ ngày 10/3/2023)
Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch (cho đến ngày 10/3/2023)
Ông Văn Trần Hoàn	Thành viên
Ông Tạ Công Thông	Thành viên
Ông Cáp Trọng Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)

Ban Giám đốc

Ông Cáp Trọng Cường	Tổng Giám đốc (từ ngày 10/3/2023)
Ông Bùi Minh Hưng	Tổng Giám đốc (cho đến ngày 10/3/2023)
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc kỹ thuật
Ông Phan Văn Hưng	Giám đốc tài chính
Ông Tạ Công Thông	Giám đốc Marketing
Ông Cáp Trọng Cường	Giám đốc khai thác (cho đến ngày 10/3/2023)

Ban Kiểm soát

Ông Trương Lý Thế Anh	Trưởng ban (từ ngày 10/3/2023)
Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng ban (cho đến ngày 10/3/2023)
Bà Ngô Thị Thùy Lương	Thành viên (từ ngày 10/3/2023)
Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Cáp Trọng Cường	Tổng Giám đốc (từ ngày 13/3/2023)
Ông Bùi Minh Hưng	Tổng Giám đốc (cho đến ngày 13/3/2023)

Trụ sở chính

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Container Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đính kèm từ trang 5 đến trang 49. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc



Cáp Trọng Cường
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2023



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2023 và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 11 tháng 8 năm 2023. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0298-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 3499
Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		355.716.523.274	438.095.318.297
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	98.001.506.407	9.384.395.130
111	Tiền		76.851.506.407	8.234.395.130
112	Các khoản tương đương tiền		21.150.000.000	1.150.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.000.000.000	26.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8(a)	1.000.000.000	26.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		242.010.857.694	388.810.051.507
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	6.922.683.356	24.289.233.758
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		310.387.871	1.070.019.414
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5(a)	7.342.105.258	11.605.263.154
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	227.754.009.730	352.163.863.702
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(318.328.521)	(318.328.521)
140	Hàng tồn kho		208.314.918	1.184.330.434
141	Hàng tồn kho		208.314.918	1.184.330.434
150	Tài sản ngắn hạn khác		14.495.844.255	12.716.541.226
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		2.530.582.016	-
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	10(a)	10.730.586.657	11.473.226.985
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10(b)	1.234.675.582	1.243.314.241
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.971.423.448.978	1.980.915.603.362
210	Các khoản phải thu dài hạn		22.421.052.633	32.368.421.053
215	Phải thu về cho vay dài hạn	5(b)	22.421.052.633	32.368.421.053
220	Tài sản cố định		34.192.783.193	37.027.030.625
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	28.774.930.192	31.609.177.624
222	Nguyên giá		74.952.154.909	80.557.184.730
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(46.177.224.717)	(48.948.007.106)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	5.417.853.001	5.417.853.001
228	Nguyên giá		6.099.124.701	6.099.124.701
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(681.271.700)	(681.271.700)
240	Tài sản dở dang dài hạn		956.397.306	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		956.397.306	-
250	Đầu tư tài chính dài hạn		2.913.496.480.528	1.910.464.786.312
251	Đầu tư vào công ty con	8(b)	1.440.075.000.000	1.440.075.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết	8(c)	1.539.916.443.286	489.916.443.286
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8(d)	155.000.000	155.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	8(b,c)	(66.649.962.758)	(19.681.656.974)
260	Tài sản dài hạn khác		356.735.318	1.055.365.372
261	Chi phí trả trước dài hạn		356.735.318	1.055.365.372
270	TỔNG TÀI SẢN		3.327.139.972.252	2.419.010.921.659

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		962.475.454.470	292.715.964.947
310	Nợ ngắn hạn		249.189.811.038	291.680.903.316
311	Phải trả người bán ngắn hạn	9	9.780.147.726	12.374.909.657
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.093.944.134	1.139.597.062
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10(c)	342.591.956	1.626.750.347
314	Phải trả người lao động		1.260.910.200	1.164.055.500
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	11(a)	4.938.557.822	4.199.097.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	12	28.190.098.724	98.228.153.504
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13(a)	196.528.520.230	171.800.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	7.055.040.246	1.148.340.246
330	Nợ dài hạn		713.285.643.432	1.035.061.631
333	Chi phí phải trả dài hạn	11(b)	12.350.684.932	-
337	Phải trả dài hạn khác		30.000.000	30.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13(b)	700.000.000.000	-
342	Dự phòng phải trả dài hạn		904.958.500	1.005.061.631
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.364.664.517.782	2.126.294.956.712
410	Vốn chủ sở hữu		2.364.664.517.782	2.126.294.956.712
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15,16	1.212.693.970.000	1.212.693.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.212.693.970.000	1.212.693.970.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	16	39.403.521.246	39.403.521.246
418	Quỹ đầu tư phát triển	16	646.734.369.757	646.734.369.757
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	16	465.832.656.779	227.463.095.709
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		213.682.095.709	101.861.744.053
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ/năm nay		252.150.561.070	125.601.351.656
440	TỔNG NGUỒN VỐN		3.327.139.972.252	2.419.010.921.659



Đoàn Thị Phương Thảo
Người lập



Lê Thế Trung
Kế toán trưởng



Cáp Trọng Cường
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 11 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.535.275.812	101.347.073.874
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.535.275.812	101.347.073.874
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(51.844.280.823)	(89.336.016.792)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.690.994.989	12.011.057.082
21	Doanh thu hoạt động tài chính	323.555.255.879	228.991.666.521
22	Chi phí tài chính	(62.715.517.543)	(9.761.012.532)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(15.692.465.754)	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(19.790.558.331)	(12.213.228.509)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	251.740.174.994	219.028.482.562
31	Thu nhập khác	1.388.506.359	333.333.334
32	Chi phí khác	(974.175.625)	(323.802.161)
40	Thu nhập khác	414.330.734	9.531.173
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	252.154.505.728	219.038.013.735
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(3.944.658)	(1.355.642.332)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	252.150.561.070	217.682.371.403



Đoàn Thị Phương Thảo
Người lập



Lê Thế Trung
Kế toán trưởng




Cáp Trọng Cường
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 11 tháng 8 năm 2023


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	252.154.505.728	219.038.013.735
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	1.860.071.807	1.124.330.597
03	Các khoản dự phòng	46.868.202.653	9.079.270.563
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(229.910.956)	423.787.376
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(323.682.340.845)	(228.829.365.091)
06	Chi phí lãi vay	15.692.465.754	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(7.337.005.859)	836.037.180
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(2.691.767.495)	10.108.045.007
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	976.015.516	(1.638.381.583)
11	Giảm các khoản phải trả	(7.896.707.252)	(7.426.007.546)
12	Tăng chi phí trả trước	(1.831.951.962)	(1.808.299.251)
14	Tiền lãi vay đã trả	(2.450.000.000)	-
15	Thuế TNDN đã nộp	-	(878.387.165)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (*)	(5.690.800.000)	(6.714.800.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(26.922.217.052)	(7.521.793.358)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(956.397.306)	(182.000.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	454.545.455	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(39.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	39.210.526.316	894.736.842
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(901.000.000.000)	(500.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	252.872.222.678	165.548.750.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(609.419.102.857)	(372.738.513.158)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	5.436.050.000
33	Tiền thu từ đi vay	850.000.000.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(125.271.479.770)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	724.728.520.230	5.436.050.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	88.387.200.321	(374.824.256.516)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3 9.384.395.130	633.997.287.489
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	229.910.956	44.180.450
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 98.001.506.407	259.217.211.423

(*) Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh bao gồm khoản tiền trả từ Quỹ khen thưởng và phúc lợi và tiền thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.


Đoàn Thị Phương Thảo
Người lập


Lê Thế Trung
Kế toán trưởng


Cáp Trọng Cường
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Container Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200453688 đề ngày 1 tháng 4 năm 2002 và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là VSC.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chịu ảnh hưởng bởi tính thời vụ mà phụ thuộc vào biến động của thị trường.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 3 chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Chi tiết như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại tỉnh Quảng Ninh
Địa chỉ: Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Xí nghiệp cảng Viconship
Địa chỉ: Số 1, Đường Ngô Quyền, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Địa chỉ: Số 2F Đường số 4(F), Cư xá Ngân Hàng, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 56 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 60 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 7 công ty con nắm giữ trực tiếp, 2 công ty con nắm giữ gián tiếp qua các công ty con khác và 5 công ty liên kết (Thuyết minh 8(b) và Thuyết minh 8(c)) như sau:

	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	30/6/2023		31/12/2022	
		Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty con trực tiếp:					
1) Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Hải Phòng	74%	74%	74%	74%
2) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	Hải Phòng	66%	66%	66%	66%
3) Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Đà Nẵng	65%	65%	65%	65%
4) Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
5) Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
6) Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
7) Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	100%	100%	100%	100%
Công ty con gián tiếp:					
1) Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
2) Công ty Cổ phần Container Quy Nhơn, Bình Định	Quy Nhơn, Bình Định	54,6%	65%	54,6%	65%
Công ty liên kết					
1) Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	31%	31%	31%	31%
2) Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Hải Phòng	22%	22%	22%	22%
3) Công ty TNHH Tuyển Container T.S Hà Nội	Hải Phòng	30%	30%	30%	30%
4) Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Hải Phòng	36%	36%	36%	36%
5) Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	Hải Phòng	35%	35%	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên). Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kế toán kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Công ty thực hiện việc rà soát đối với các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên). Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ đến ngày tới hạn thu hồi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 – 5 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không được khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản cố định và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ kế toán, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc kỳ kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ kế toán, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí đi vay vốn; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ kế toán hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ kế toán hay một kỳ kế toán khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Đối với báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.27 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10 và Thuyết minh 7);
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.6 và Thuyết minh 6).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền mặt	194.621.592	169.702.337
Tiền gửi ngân hàng	29.631.884.815	8.064.692.793
Tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa (*)	47.025.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (**)	21.150.000.000	1.150.000.000
	<u>98.001.506.407</u>	<u>9.384.395.130</u>

(*) Số dư tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là phần cổ tức nhận được trong kỳ từ 47.025.000 cổ phiếu của công ty Cổ phần Cảng Xanh Vip – công ty con của Công ty, được cầm cố và phong tỏa để thực hiện bảo lãnh cho các nghĩa vụ nợ (Thuyết minh 29). Đến ngày 7 tháng 7 năm 2023, số dư tiền nói trên đã được giải tỏa.

(**) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu dưới hoặc bằng 3 tháng với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,8%/năm (năm 2022: lãi suất từ 2,9%/năm đến 5,8%/năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**
4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba	4.973.810.084	15.258.694.328
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tiếp vận Long Mã	-	8.783.901.290
- Công ty Cổ phần Giao nhận Toàn cầu DHL (Việt Nam)	1.234.331.653	1.019.931.735
- Công ty Maersk A/S	3.323.836.060	3.959.110.753
- Khác	415.642.371	1.495.750.550
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	1.948.873.272	9.030.539.430
	<u>6.922.683.356</u>	<u>24.289.233.758</u>

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY**(a) Ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	7.342.105.258	11.605.263.154
	<u>7.342.105.258</u>	<u>11.605.263.154</u>

(b) Dài hạn

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	22.421.052.633	32.368.421.053
	<u>22.421.052.633</u>	<u>32.368.421.053</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, số dư phải thu về cho vay bao gồm phần nợ phải trả dài hạn và phần nợ dài hạn đến hạn trả từ Công ty Cổ phần Container Miền Trung và Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh – các công ty con của Công ty. Theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HDQT đề ngày 27 tháng 4 năm 2022, Hội đồng Quản trị phê duyệt việc hỗ trợ vốn cho các công ty con để thực hiện đầu tư thêm phương tiện vận tải container chuyên dùng phục vụ sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng vay cho các công ty con, thời hạn của các khoản vay là từ 36 đến 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Tiền gốc vay được trả định kỳ ba tháng một lần. Lãi suất khoản vay là từ 5,7%/năm đến 7,2%/năm (2022: lãi suất từ 5,1%/năm đến 5,6%/năm) và được trả định kỳ ba tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba	152.287.121.182	302.386.604.941
<i>Trong đó</i>		
- Đặt cọc để thực hiện chuyển nhượng cổ phần (*)	151.000.000.000	300.000.000.000
- Khác	1.287.121.182	2.386.604.941
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b)) (**)	75.466.888.548	49.777.258.761
<i>Trong đó</i>		
- Lợi nhuận được chia từ các công ty con	5.312.618.577	-
- Tạm ứng tiền cho các công ty con	69.951.378.297	49.434.878.297
- Khác	202.891.674	342.380.464
	<u>227.754.009.730</u>	<u>352.163.863.702</u>
Dự phòng phải thu khó đòi cho bên thứ ba	<u>(318.328.521)</u>	<u>(318.328.521)</u>

(*) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 thể hiện số tiền Công ty đã đặt cọc cho Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Đoàn Huy ("công ty Đoàn Huy") và Công ty TNHH Thương mại Kim khi Xuất nhập khẩu Huy Hoàng ("công ty Huy Hoàng") để mua phần vốn góp của hai công ty này trong Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ ("Cảng Nam Hải Đình Vũ"), theo hợp đồng đặt cọc số 01/2023/HĐĐC/ĐH-VSC đề ngày 31 tháng 3 năm 2023 ký với công ty Đoàn Huy, hợp đồng đặt cọc số 02/2023/HĐĐC/HH-VSC đề ngày 6 tháng 4 năm 2023 ký với công ty Huy Hoàng và các phụ lục kèm theo các hợp đồng này

Theo điều khoản của các hợp đồng nói trên, Công ty được mua đến mức tối đa phần vốn góp mà công ty Đoàn Huy và công ty Huy Hoàng sở hữu tại Cảng Nam Hải Đình Vũ. Thời hạn hiệu lực của số tiền đặt cọc là 12 tháng kể từ ngày chuyển tiền đặt cọc. Giá chuyển nhượng sẽ được các bên thương thảo, căn cứ vào các điều kiện đã được thống nhất trong các hợp đồng đặt cọc và phụ lục hợp đồng nêu trên.

(**) Số dư khoản phải thu ngắn hạn khác với các bên liên quan chủ yếu là khoản lợi nhuận được chia từ các công ty con và các khoản tạm ứng tiền cho các công ty con của Công ty cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho các công ty này. Số tiền lưu chuyển từ Công ty về công ty con này không chịu lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	21.784.803.233	616.647.000	56.570.559.180	1.585.175.317	80.557.184.730
Thanh lý (*)	-	-	(5.605.029.821)	-	(5.605.029.821)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	21.784.803.233	616.647.000	50.965.529.359	1.585.175.317	74.952.154.909
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(14.965.133.463)	(453.319.940)	(32.158.113.373)	(1.371.440.330)	(48.948.007.106)
Khấu hao trong kỳ	(280.580.640)	(15.166.668)	(1.506.923.699)	(57.400.800)	(1.860.071.807)
Thanh lý	-	-	4.630.854.196	-	4.630.854.196
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	(15.245.714.103)	(468.486.608)	(29.034.182.876)	(1.428.841.130)	(46.177.224.717)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	6.819.669.770	163.327.060	24.412.445.807	213.734.987	31.609.177.624
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	6.539.089.130	148.160.392	21.931.346.483	156.334.187	28.774.930.192

(*) Thanh lý trong năm chủ yếu là xe ô tô phục vụ mục đích hành chính quản trị.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 30.851.227.623 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 35.190.475.626 Đồng Việt Nam).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	5.417.853.001	681.271.700	6.099.124.701
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	5.417.853.001	681.271.700	6.099.124.701
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	(681.271.700)	(681.271.700)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	(681.271.700)	(681.271.700)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	5.417.853.001	-	5.417.853.001
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	5.417.853.001	-	5.417.853.001

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 681.271.700 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 681.271.700 Đồng Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 30/6/2023		Tại ngày 31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại	1.000.000.000	1.000.000.000	26.000.000.000	26.000.000.000
(b) Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	518.850.000.000	1.833.975.000.000	518.850.000.000	1.805.760.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	80.400.000.000	119.796.000.000	80.400.000.000	83.616.000.000
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	19.825.000.000	36.081.500.000	19.825.000.000	33.702.500.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	110.000.000.000	(*)	110.000.000.000	(*)
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	15.000.000.000	(*)	15.000.000.000	(*)
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	620.000.000.000	(*)	620.000.000.000	(*)
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	76.000.000.000	(*)	76.000.000.000	(*)
	1.440.075.000.000	1.989.852.500.000	1.440.075.000.000	1.923.078.500.000
(c) Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	14.430.000.000	31.968.000.000	14.430.000.000	24.242.400.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	80.991.207.286	59.977.360.000	80.991.207.286	61.741.400.000
Công ty TNHH Tuyên Container T.S. Hà Nội	2.002.500.000	(*)	2.002.500.000	(*)
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	392.492.736.000	(*)	392.492.736.000	(*)
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (**)	1.050.000.000.000	(*)	-	(*)
	1.539.916.443.286	91.945.360.000	489.916.443.286	85.983.800.000
		(29.777.327.617)		(19.681.656.974)
(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty TNHH MSC Việt Nam	155.000.000	(*)	155.000.000	(*)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Đối với các đơn vị đầu tư là các công ty có cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM"), giá trị hợp lý được tính dựa trên giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư còn lại, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hiện không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 17 tháng 1 năm 2023 của Đại hội đồng Cổ đông thông qua chủ trương đầu tư để đạt tỷ lệ chi phối tại một doanh nghiệp trong lĩnh vực cảng biển phù hợp với điều kiện tình hình thực tế của Công ty, Công ty và hai công ty khác là công ty TNHH Đoàn Huy và công ty TNHH Huy Hoàng (Thuyết minh 6) đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp đề ngày 19 tháng 4 năm 2023 và các văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng với Công ty Cổ phần Gemadept và các chủ sở hữu là các cá nhân khác của công ty Gemadept để thực hiện việc mua Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ ("Cảng Nam Hải Đình Vũ"). Tỷ lệ sở hữu của các bên mua được thống nhất trong hợp đồng chuyển nhượng, theo đó Công ty sẽ sở hữu 35% tỷ lệ cổ phần tại Cảng Nam Hải Đình Vũ. Giá mua được thỏa thuận giữa các bên mua và các bên bán. Khoản đầu tư đã được định giá bởi một công ty định giá độc lập.

Tại ngày 31 tháng 5 năm 2023, các bên đã hoàn thành toàn bộ thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp tại Cảng Nam Hải Đình Vũ theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp nêu trên. Theo đó, Công ty đã trả số tiền là 1.050 tỷ Đồng Việt Nam để sở hữu 35% tỷ lệ cổ phần tại Cảng Nam Hải Đình Vũ. Do vậy Cảng Nam Hải Đình Vũ đã trở thành công ty liên kết của Công ty từ ngày này và được trình là một khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Để thực hiện giao dịch mua cổ phần nêu trên, Công ty đã phát sinh các khoản vay với ngân hàng thương mại và bên thứ ba, đồng thời sử dụng các tài sản của Công ty để thế chấp cho các khoản vay này (Thuyết minh 13).

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba	968.834.594	3.444.639.949
Trong đó:		
- Chi nhánh Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam tại Hải Phòng	-	755.351.800
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng	-	741.550.000
- Khác	968.834.594	1.947.738.149
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	8.811.313.132	8.930.269.708
	<u>9.780.147.726</u>	<u>12.374.909.657</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Cán trừ phải thu/ phải trả VND	Tại ngày 30/06/2023 VND
(a) Thuế GTGT được khấu trừ				
Thuế GTGT được khấu trừ	11.473.226.985	5.051.986.302	(5.794.626.630)	10.730.586.657
(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước				
Thuế TNDN	1.238.620.240	-	(3.944.658)	1.234.675.582
Thuế đất	4.694.001	-	(4.694.001)	-
	1.243.314.241	-	(8.638.659)	1.234.675.582
(c) Phải nộp				
Thuế GTGT	19.491.029	(511.996.618)	(5.794.626.630)	12.638.932
Thuế TNDN	-	-	(3.944.658)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.607.259.318	(5.527.184.597)	-	84.118.561
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác	-	(61.212.656)	-	-
Thuế đất	-	(2.413.569.144)	(4.694.001)	245.834.463
	1.626.750.347	(8.513.963.015)	(5.803.265.289)	342.591.956

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

(a) Ngắn hạn

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí thưởng nhân viên	4.046.777.000	4.199.097.000
Lãi vay	891.780.822	-
	<u>4.938.557.822</u>	<u>4.199.097.000</u>

(b) Dài hạn

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Lãi vay	12.350.684.932	-
	<u>12.350.684.932</u>	<u>-</u>

12 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba (*)	5.500.962.063	10.079.082.142
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b)) (**)	22.689.136.661	88.149.071.362
	<u>28.190.098.724</u>	<u>98.228.153.504</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải trả ngắn hạn khác.

(**) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 chủ yếu thể hiện các khoản tiền mà Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh – công ty con, chuyển về cho Công ty với mục đích bổ sung vốn lưu động. Số tiền lưu chuyển từ công ty con về Công ty không chịu lãi và không có thời hạn trả nợ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

13 CÁC KHOẢN VAY

Biến động của các khoản vay trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2023 VND	Giải ngân trong năm VND	Trả nợ gốc vay trong năm VND	Tại ngày 30/06/2023 VND
(a) Vay ngắn hạn				
Vay bên thứ ba (*)	171.800.000.000	150.000.000.000	(125.271.479.770)	196.528.520.230
(b) Vay dài hạn				
Vay ngân hàng (**)	-	700.000.000.000	-	700.000.000.000

(*) Số dư khoản vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 thể hiện các khoản vay từ các bên thứ ba như sau:

- Khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo từ công ty TNHH Đoàn Huy với số tiền 46.528.520.230 Đồng Việt Nam theo hợp đồng vay tiền số 01/2022/HĐVT/ĐH-VSC đề ngày 29 tháng 12 năm 2022. Thời hạn vay của khoản vay là 12 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay. Mục đích của khoản vay là phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty. Khoản vay này đã được hoàn trả toàn bộ cho công ty TNHH Đoàn Huy vào ngày 17 tháng 7 năm 2023 và không chịu lãi suất.
- Khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo từ Công ty Cổ phần Gemadept với số tiền 150.000.000.000 Đồng Việt Nam theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/GMD-VSC đề ngày 29 tháng 5 năm 2023. Thời hạn vay của khoản vay là 1 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay. Khoản vay có thể được gia hạn theo thỏa thuận của các bên và thời gian gia hạn mỗi lần là một tháng và tổng thời gian gia hạn tối đa là hai tháng kể từ ngày đến hạn đầu tiên. Đây là khoản tiền Công ty vay để thanh toán cho việc mua phần vốn góp tại Cảng Nam Hải Đình Vũ (thuyết minh 8). Lãi vay áp dụng cho khoản vay trong thời hạn vay vốn là 7%/năm. Lãi vay và gốc vay được trả một lần vào cuối kỳ. Sau ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã ký các phụ lục gia hạn khoản vay và đã thanh toán 30.000.000.000 đồng cho khoản vay này (Thuyết minh 31).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

13 CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)

(**) Số dư khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 0097-2023-HĐTĐ1-BVB021 đề ngày 15 tháng 5 năm 2023. Thời hạn vay của khoản vay là 180 tháng tính từ ngày giải ngân. Mục đích của khoản vay là để Công ty thanh toán tiền mua phần vốn góp tại Cảng Nam Hải Đình Vũ theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số GMD/VSC/SPA ngày 19/4/2023 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Gemadept và các phụ lục kèm theo.

Theo kế ước nhận nợ số 0097.01-2023-KUNN1-BVB021 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng đề ngày 15 tháng 5 năm 2023, khoản gốc vay được ân hạn trong vòng 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó Công ty sẽ phải hoàn trả gốc vay trong 53 phân kỳ, mỗi phân kỳ là 3 tháng/lần. 52 phân kỳ đầu tiên trả 13,2 tỷ đồng và phân kỳ cuối cùng trả 13,6 tỷ đồng.

Cũng theo kế ước nhận nợ này, lãi vay của khoản vay là 14%/năm cho 6 tháng đầu tiên sau đó được điều chỉnh bằng lãi vay cơ sở bằng Đồng Việt Nam dành cho khách hàng doanh nghiệp kỳ hạn 13 tháng theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + 4%/năm. Lãi vay được ân hạn trong vòng 21 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi vay sẽ nhập gốc trong thời gian ân hạn vào tháng thứ 6, 12, 18, 21 kể từ ngày giải ngân. Sau thời gian ân hạn lãi, lãi vay được trả hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng trong suốt thời gian còn lại của khoản vay.

Công ty sử dụng các tài sản để thế chấp đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt như sau:

- 100% cổ phần/chứng khoán chưa lưu ký của các công ty con trong Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ;
- Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền tài sản của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ;
- Phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Một Thành Viên Trung tâm Logistics Xanh và Công ty tại Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Cảng Xanh;
- Quyền tài sản và phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ.

14 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Biến động về Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty trong kỳ như sau:

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.148.340.246	2.867.570.146
Trích lập trong kỳ/năm (Thuyết minh 16)	9.881.000.000	5.200.000.000
Sử dụng trong kỳ/năm	(3.974.300.000)	(6.919.229.900)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>7.055.040.246</u>	<u>1.148.340.246</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	30/6/2023	31/12/2022
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	121.269.397	121.269.397
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	121.269.397	121.269.397
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	121.269.397	121.269.397

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng Việt Nam trên một cổ phiếu.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông của Công ty là các cổ đông tổ chức và cá nhân. Mỗi một cổ đông tổ chức và cá nhân đều sở hữu dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

16 TÍNH HÌNH TẶNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	551.227.980.000	36.141.891.246	646.734.369.757	221.399.754.053	1.455.503.995.056
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	246.870.748.656	246.870.748.656
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.200.000.000)	(5.200.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.100.000.000)	(4.100.000.000)
Vốn tăng trong năm	551.227.980.000	3.261.630.000	-	-	554.489.610.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021	110.238.010.000	-	-	(110.238.010.000)	-
Tạm ứng cổ tức năm 2022 (*)	-	-	-	(121.269.397.000)	(121.269.397.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.212.693.970.000	39.403.521.246	646.734.369.757	227.463.095.709	2.126.294.956.712
Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh, 14) (**)	-	-	-	(9.881.000.000)	(9.881.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	(3.900.000.000)	(3.900.000.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	252.150.561.070	252.150.561.070
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.212.693.970.000	39.403.521.246	646.734.369.757	465.832.656.779	2.364.664.517.782

(*) Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 3 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2022 (đã được tạm ứng trong năm 2022), việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

(**) Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 3 năm 2023, Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT đề ngày 14 tháng 6 năm 2023 và Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐQT đề ngày 13 tháng 7 năm 2023, Công ty đã nộp tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và được Ủy ban Chứng khoán phê duyệt phương án phát hành theo Công văn số 5611/UBCK-QLCB đề ngày 3 tháng 8 năm 2023. Tỷ lệ thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 10:1, ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức là ngày 22 tháng 8 năm 2023.

Do việc xét duyệt trả cổ tức bằng cổ phiếu cần được sự phê duyệt và xác nhận của các cơ quan quản lý có thẩm quyền, do đó, Công ty chưa ghi nhận khoản cổ tức này trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(***) Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 3 năm 2023, Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT đề ngày 14 tháng 6 năm 2023 và Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐQT đề ngày 13 tháng 7 năm 2023, Công ty đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với tỷ lệ 1:1. Tổng số tiền dự kiến thu được từ việc phát hành này là 1.212.693.970.000 đồng. Thời gian dự kiến chào bán là trong năm 2023.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ, trong đó, thay đổi phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Do kế hoạch phát hành cổ tức bằng cổ phiếu đã nêu được thực hiện trước việc phát hành này, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ tăng lên là 133.396.336 cổ phiếu, đồng thời tổng số tiền dự kiến thu được từ việc phát hành được điều chỉnh thành 1.333.963.360.000 đồng.

17 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ 712.909,77 Đô la Mỹ, tương đương 16.931.573.915 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 584,68 Đô la Mỹ, tương đương 13.874.416 Đồng Việt Nam).

18 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	38.247.038.830	60.794.143.691
Doanh thu thuần từ dịch vụ đại lý hãng tàu (*)	-	10.722.728.632
Doanh thu thuần từ dịch vụ chuyển tiếp	273.283.806	11.382.449.641
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ khác	24.014.953.176	18.447.751.910
	<u>62.535.275.812</u>	<u>101.347.073.874</u>

(*) Công ty không phát sinh doanh thu từ dịch vụ đại lý hãng tàu trong kỳ kế toán từ ngày 1/1/2023 đến ngày 30/6/2023.

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
Chi phí mua hàng hóa	37.258.227.106	57.793.419.650
Chi phí nhân viên	5.213.188.000	7.436.375.000
Chi phí khấu hao	1.860.071.807	1.124.330.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.340.417.517	22.758.411.382
Chi phí khác	172.376.393	223.480.163
	<u>51.844.280.823</u>	<u>89.336.016.792</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.792.021.702	5.472.472.167
Cổ tức, lợi nhuận được chia (Thuyết minh 26(a))	321.428.968.409	223.356.892.924
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	104.354.812	162.301.430
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	229.910.956	-
	<u>323.555.255.879</u>	<u>228.991.666.521</u>

21 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và tồn thất đầu tư	46.968.305.784	9.286.667.432
Chi phí đi vay	15.692.465.754	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	54.746.005	474.345.100
	<u>62.715.517.543</u>	<u>9.761.012.532</u>

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên	13.990.819.200	7.835.560.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.794.087.069	2.904.344.107
Khác	3.005.652.062	1.473.323.484
	<u>19.790.558.331</u>	<u>12.213.228.509</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**
23 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	252.154.505.728	219.038.013.735
Thuế tính ở thuế suất 20%	50.430.901.146	43.807.602.747
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	120.704.662	2.021.168.170
Thu nhập không chịu thuế từ lợi nhuận được chia từ công ty con và công ty liên kết	(64.285.793.682)	(44.473.128.585)
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	4.364.492.001	-
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	9.373.640.531	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>3.944.658</u>	<u>1.355.642.332</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:		
Thuế TNDN – hiện hành	3.944.658	1.355.642.332
Thuế TNDN – hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	<u>3.944.658</u>	<u>1.355.642.332</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Kỳ phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Chưa kiểm tra	(21.822.460.007)	(21.822.460.007)

Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập kinh doanh chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

24 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong kỳ kế toán từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	37.258.227.106	57.793.419.650
Chi phí nhân viên	19.204.007.200	15.271.935.918
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.860.071.807	1.124.330.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.134.504.586	25.662.755.489
Chi phí khác	3.178.028.455	1.696.803.647
	<u>71.634.839.154</u>	<u>101.549.245.301</u>

25 CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
Cần trừ công nợ nội bộ và chi trả quỹ khen thưởng phúc lợi giữa Công ty và các công ty con	2.100.000.000	-
Cần trừ công nợ nội bộ và các khoản lợi nhuận được chia	<u>65.144.349.832</u>	<u>-</u>

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	Công ty con
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	Công ty con
- Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Công ty con
- Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ	Công ty con gián tiếp
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đinh Vũ	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đinh Vũ	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đinh Vũ	Công ty liên kết
- Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc/Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**
26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)
(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ kế toán gồm:

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
i) <i>Doanh thu bán hàng</i>		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	8.517.637.070	14.650.080.478
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	6.210.140.843	8.107.915.998
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	3.928.088.142	6.836.380.994
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	2.718.864.310	5.879.628.217
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	16.604.546.366	26.487.883.184
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	267.762.099	-
	<u>38.247.038.830</u>	<u>61.961.888.871</u>
ii) <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	4.914.000.000	4.692.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	966.000.000	558.000.000
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	95.150.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	6.805.636.800	708.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	966.000.000	558.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	2.882.336.880	1.656.169.280
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	11.000.000	-
	<u>16.544.973.680</u>	<u>8.267.319.280</u>
iii) <i>Bán tài sản cố định</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	980.980.904	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	454.545.455	-
	<u>1.435.526.359</u>	<u>-</u>
iv) <i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	263.470.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	-	1.388.270.816
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	98.787.271	204.676.802
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	2.951.912.498	9.176.084.987
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	4.079.667.000	5.034.015.372
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	-	1.887.639.415
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	13.238.700	-
	<u>7.143.605.469</u>	<u>17.954.157.392</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
v) Lợi nhuận được chia từ các công ty con, công ty liên kết (Thuyết minh 20)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	188.100.000.000	70.537.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	8.040.000.000	4.020.000.000
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	991.250.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	118.644.349.832	108.721.061.505
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	20.746.955.939
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	5.312.618.577	18.340.125.480
Công ty Cổ phần Cảng Logistics Đà Nẵng	1.332.000.000	-
	<u>321.428.968.409</u>	<u>223.356.892.924</u>
vi) Nhận tiền trả gốc vay		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	789.473.684	-
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	10.894.736.842	-
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	2.526.315.790	894.736.842
	<u>14.210.526.316</u>	<u>894.736.842</u>
vii) Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	630.125.903	252.136.679
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	323.995.962	167.252.079
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	463.726.028	-
	<u>1.417.847.893</u>	<u>419.388.758</u>
viii) Chi trả quỹ khen thưởng phúc lợi cho các công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	2.100.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	600.000.000	-
	<u>2.700.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND
<i>ix)</i>	<i>Thù lao, lương, thưởng cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Hội đồng quản trị			
Ông Bùi Minh Hưng	Chủ tịch (từ ngày 10/3/2023)	1.592.007.000	781.425.000
Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch (cho đến ngày 10/3/2023)	597.000.000	1.034.573.000
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)	482.000.000	450.000.000
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên (cho đến ngày 9/9/2022)	300.000.000	1.232.141.000
Ông Văn Trần Hoàn	Thành viên	440.000.000	450.000.000
Ông Tạ Công Thông	Thành viên	440.000.000	450.000.000
Ông Cáp Trọng Cường	Thành viên	1.006.923.000	-
Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên	698.000.000	-
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên (cho đến ngày 9/9/2022)	-	300.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên (cho đến ngày 9/3/2022)	-	500.000.000
		<u>5.555.930.000</u>	<u>5.198.139.000</u>
Ban Kiểm soát			
Ông Trương Lý Thế Anh	Trưởng ban (từ ngày 10/3/2023)	-	-
Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng ban (cho đến ngày 10/3/2023)	165.854.000	327.000.000
Bà Ngô Thị Thùy Lương	Thành viên (từ ngày ngày 10/3/2023)	-	-
Bà Nghiêm Thị Thủy Dương	Thành viên	120.000.000	125.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)	121.000.000	125.000.000
		<u>406.854.000</u>	<u>577.000.000</u>
Ban Điều hành			
Ông Cáp Trọng Cường	Tổng Giám đốc (từ ngày ngày 10/3/2023)	Như trên	Như trên
Ông Bùi Minh Hưng	Tổng Giám đốc (cho đến ngày 10/3/2023)	Như trên	Như trên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc kỹ thuật	960.059.000	635.286.000
Ông Phan Văn Hưng	Giám đốc tài chính	783.807.000	-
Ông Tạ Công Thông	Giám đốc Marketing	Như trên	Như trên
Ông Cáp Trọng Cường	Giám đốc khai thác (cho đến ngày 10/3/2023)	Như trên	Như trên
Ông Lê Thế Trung	Kế toán trưởng	1.294.354.000	1.077.073.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối kỳ kế toán với các bên liên quan

	30/06/2023 VND	31/12/2022 VND
<i>i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)</i>		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	253.603.900	121.651.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	336.208.301	454.629.390
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	30.348.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	591.678.000	1.498.218.974
Công ty TNHH Viconship Hồ Chí Minh	148.800.931	267.061.481
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	595.636.800	6.528.634.115
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ	22.945.340	79.996.270
Ông Nguyễn Việt Trung	-	50.000.000
	<u>1.948.873.272</u>	<u>9.030.539.430</u>
<i>ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5(a))</i>		
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	4.184.210.522	4.815.789.470
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	3.157.894.736	2.368.421.052
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	-	4.421.052.632
	<u>7.342.105.258</u>	<u>11.605.263.154</u>
<i>iii) Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 5(b))</i>		
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	11.368.421.053	13.263.157.895
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	11.052.631.580	12.631.578.948
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	-	6.473.684.210
	<u>22.421.052.633</u>	<u>32.368.421.053</u>
<i>iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)</i>		
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	7.010.624	10.103.934
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	5.700.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	64.251.378.297	46.434.878.297
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	5.508.499.627	8.520.280
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đinh Vũ	-	323.756.250
	<u>75.466.888.548</u>	<u>49.777.258.761</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối kỳ kế toán với các bên liên quan (tiếp theo)

	30/06/2023 VND	31/12/2022 VND
v) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 9)		
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	34.090.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	532.547.051	-
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	8.230.979.674	8.930.269.708
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	13.696.407	-
	<u>8.811.313.132</u>	<u>8.930.269.708</u>
vi) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 12)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	-	81.500.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	22.689.136.661	87.995.174.493
Ông Nguyễn Văn Tiến	-	72.396.869
	<u>22.689.136.661</u>	<u>88.149.071.362</u>

27 CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai, chủ yếu là tiền thuê đất, như sau:

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Dưới 1 năm	5.902.410.000	5.902.410.000
Từ 1 đến 5 năm	29.512.050.000	29.512.050.000
Trên 5 năm	12.795.621.926	15.746.826.926
	<u>48.210.081.926</u>	<u>51.161.286.926</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023****28 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND
Doanh thu và thu nhập	38.247.038.830	24.288.236.982	324.943.762.238
Chi phí hoạt động trực tiếp	(37.258.227.106)	(14.586.053.717)	(63.689.693.168)
Tổng cộng	988.811.724	9.702.183.265	261.254.069.070
Chi phí chung không phân bổ			(19.790.558.331)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			252.154.505.728

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022		
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND
Doanh thu và thu nhập	60.794.143.691	40.552.930.183	229.324.999.855
Chi phí hoạt động trực tiếp	(57.793.419.650)	(31.542.597.142)	(10.084.814.693)
Tổng cộng	3.000.724.041	9.010.333.041	219.240.185.162
Chi phí chung không phân bổ			(12.213.228.509)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			219.038.013.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

28 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Tài sản bộ phận				
Trong đó:				
Hàng tồn kho	208.314.918	-	-	208.314.918
Phải thu ngắn hạn	-	6.922.683.356	-	6.922.683.356
Cho vay ngắn hạn	-	-	7.342.105.258	7.342.105.258
Cho vay dài hạn	-	-	22.421.052.633	22.421.052.633
Đầu tư vào các công ty con	-	-	1.440.075.000.000	1.440.075.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	-	-	1.539.916.443.286	1.539.916.443.286
Đầu tư dài hạn khác	-	-	155.000.000	155.000.000
Tổng tài sản phân bổ	208.314.918	6.922.683.356	3.009.909.601.177	3.017.040.599.451
Tài sản không phân bổ				310.099.372.801
Tổng tài sản				3.327.139.972.252

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

28 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Nợ phải trả bộ phận	-	9.780.147.726	-	9.780.147.726
Trong đó:	-	1.093.944.134	-	1.093.944.134
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	-	-	891.780.822	891.780.822
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	-	5.500.962.063	22.689.136.661	28.190.098.724
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	-	-	196.528.520.230	196.528.520.230
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	-	-	12.350.684.932	12.350.684.932
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	-	-	700.000.000.000	700.000.000.000
<i>Chi phí phải trả dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả phân bổ	-	16.375.053.923	932.460.122.645	948.835.176.568
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	13.640.277.902
Tổng nợ phải trả	-	-	-	962.475.454.470

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

28 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Tài sản bộ phận				
<i>Trong đó:</i>				
Hàng tồn kho	1.184.330.434	-	-	1.184.330.434
Phải thu ngắn hạn	8.592.571.694	15.696.662.064	-	24.289.233.758
Cho vay ngắn hạn	-	-	11.605.263.154	11.605.263.154
Cho vay dài hạn	-	-	32.368.421.053	32.368.421.053
Đầu tư vào các công ty con	-	-	1.440.075.000.000	1.440.075.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	-	-	489.916.443.286	489.916.443.286
Đầu tư dài hạn khác	-	-	155.000.000	155.000.000
Tổng tài sản phân bổ	9.776.902.128	15.696.662.064	1.974.120.127.493	1.999.593.691.685
Tài sản không phân bổ				419.417.229.974
Tổng tài sản				2.419.010.921.659
Nợ phải trả bộ phận				
<i>Trong đó:</i>				
Phải trả người bán ngắn hạn	-	12.374.909.657	-	12.374.909.657
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	1.139.597.062	-	1.139.597.062
Phải trả ngắn hạn khác	-	10.232.979.011	87.995.174.493	98.228.153.504
Tổng nợ phải trả phân bổ	-	23.747.485.730	87.995.174.493	111.742.660.223
Nợ phải trả không phân bổ				180.973.304.724
Tổng nợ phải trả				292.715.964.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

29 CÁC CAM KẾT

Cam kết khác

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty sử dụng các tài sản sau để thế chấp cho các nghĩa vụ nợ của các bên khác đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt như sau:

Bảo lãnh cho các công ty con:

- Công trình xây dựng gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận ("GCN") quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở ("QSHNO") & tài sản khác gắn liền với đất ("TSKGLVĐ") số CQ 604936 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hải Phòng cấp ngày 5 tháng 4 năm 2019;
- Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất số 22HĐ/TĐ ngày 5 tháng 4 năm 2019 giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng và Công ty theo GCN quyền sử dụng đất QSHNO & TSKGLVĐ số CQ 604936 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hải Phòng cấp ngày 5 tháng 4 năm 2019; và
- Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất số 05/HĐ-TĐ giữa UBND Thành phố Hải Phòng và Công ty ngày 9 tháng 1 năm 2009 và toàn bộ công trình hạ tầng, vật phụ gắn liền với đất theo GCN quyền sử dụng đất số AI 210480 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hải Phòng cấp ngày 9 tháng 1 năm 2009.

Bảo lãnh cho các công ty con và các bên thứ ba:

- Phần vốn góp 47.025.000 cổ phần tại Công ty CP Cảng Xanh VIP (Mã chứng khoán: VGR).

30 NỢ TIỀM TÀNG

Chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng lô đất thuê

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Một số các hợp đồng này quy định việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo các quy định hiện hành, Công ty có thể có nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc, nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được chắc chắn tùy thuộc vào các sự kiện có thể phát sinh trong tương lai, ví dụ như các thỏa thuận bổ sung với bên cho thuê đất hoặc khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng khi hợp đồng thuê đất không quy định cụ thể về nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng, việc xác định các nghĩa vụ này được coi là không chắc chắn. Do đó, Ban Giám đốc chưa ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên này vào báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

31 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO

Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại Quảng Ninh

Theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT đề ngày 26 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại Quảng Ninh và giao cho Tổng Giám đốc tiến hành các thủ tục để thực hiện công việc này. Tại ngày báo cáo này, việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh này chưa hoàn thành.

Gia hạn khoản vay với Công ty Cổ phần Gemadept (Thuyết minh 13(a))

Căn cứ theo công văn số 89/GMD đề ngày 4 tháng 7 năm 2023 và 101/GMD đề ngày 31 tháng 7 năm 2023, Công ty Cổ phần Gemadept đã chấp thuận cho Công ty gia hạn khoản vay. Theo đó, lãi vay cho thời gian gia hạn lần thứ nhất (đến ngày 31 tháng 7 năm 2023) là 7,5%/năm và cho thời gian gia hạn lần thứ hai (đến ngày 31 tháng 8 năm 2023) là 8%/năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 11 tháng 8 năm 2023.

Đoàn Thị Phương Thảo
Người lập

Lê Thế Trung
Kế toán trưởng



Cáp Trọng Cường
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật